

Điều chỉnh chính sách kinh tế của các cường quốc và tác động đến Việt Nam

Võ Đại Lực¹

¹ Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.

Email: vodailuoc@gmail.com

Nhận ngày 10 tháng 11 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 12 năm 2017.

Tóm tắt: Tình hình kinh tế thế giới trong những thập niên đầu thế kỷ XXI đã, đang và sẽ biến động khôn lường không dự báo được. Từ sau khủng hoảng kinh tế thế giới 2008 đến nay, các quốc gia, đặc biệt là các cường quốc, phải điều chỉnh chính sách kinh tế để thích ứng với diễn biến của tình hình. Đó là chính sách nới lỏng tiền tệ và tài chính, chính sách tái cơ cấu nền kinh tế. Những chính sách này tuy đã chặn đà suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhưng chỉ duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nền kinh tế Mỹ, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu (EU) ở mức 1%, tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới khoảng 2,5-3% trong các năm 2008 - 2009. Cho đến nay, kinh tế Mỹ hồi phục khá hơn, tăng trưởng khoảng 2% năm 2016, nhưng các nền kinh tế Châu Âu và Nhật Bản vẫn chỉ tăng trưởng trên 1%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc cũng đã giảm từ 9-10%/năm xuống còn 6,5%/năm trong năm 2017. Tăng trưởng kinh tế của các cường quốc và của thế giới hồi phục chậm và có không ít nguy cơ diễn biến theo chiều hướng xấu hơn do chủ nghĩa dân túy và chống toàn cầu hóa gia tăng, đồng thời do đổi mới công nghệ, đổi mới thể chế, khuyến khích xu hướng phát triển sáng tạo diễn ra chậm chạp. Những điều chỉnh chính sách kinh tế của các cường quốc đã tác động tới nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam.

Từ khóa: Điều chỉnh chính sách kinh tế, Mỹ, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu, Trung Quốc.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: The world economy in the first decades of the 21st century has been and will be highly volatile and unpredictable. Since the 2008 global economic crisis, countries, especially the powers, have had to adjust their economic policies to adapt to the situation. The policies, namely the monetary easing and finance policies, and that of economic restructuring, did stop the downtrend in economic growth, but have kept the economic growth rates of the US, Japan and the European Union (EU) at 1%, and the world economic growth at around 2.5-3% in the 2008-2009 period. So far, the US economy has seen better recovery, having grown by about 2% in 2016, while the European and Japanese economies have achieved the rates of only over 1%. China's rate has fallen from 9-10% to 6.5% per year in 2017. The economic growth of the powers and of the world at large has slowly recovered, and there are risks of

getting worse due to rising populism and anti-globalisation, as well as the slow technological renovation, institutional reform, and low encouragement of innovation tendencies. The adjustments of economic policies by the powers have exerted impact on the world economy, including Vietnam.

Keywords: Economic policy adjustment, US, Japan, European Union, China.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Có thể nói các nước phương Tây, nhất là Mỹ, Nhật Bản, EU, luôn phải điều chỉnh các chính sách kinh tế, đặc biệt khi phải đối diện với khủng hoảng. Cuộc khủng hoảng càng nghiêm trọng thì mức độ điều chỉnh chính sách càng lớn. Trong cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 2008 (nghiêm trọng nhất kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933), đối sách phổ biến tại tất cả các quốc gia là nới lỏng chính sách tiền tệ và tài chính. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã hạ lãi suất xuống mức 2% vào tháng 7/2008, thấp hơn mức lạm phát lúc đó là 4,5%, nghĩa là lãi suất đã âm. Chính phủ Mỹ cũng đã chi tới hàng nghìn tỷ đô la Mỹ (USD) để cứu trợ các tổ chức tín dụng. Cuộc khủng hoảng này cũng đã lan sang các nước Châu Âu và Nhật Bản và phản ứng của các nước này cũng chỉ là chính sách nới lỏng tiền tệ và giảm thuế.

Sự khác biệt giữa các chính sách của các chính phủ dù ở mức độ nhanh, chậm, nặng, nhẹ khác nhau, nhưng về cơ bản là giống nhau. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008 có nguyên nhân sâu xa từ thể chế và kết cấu kinh tế. Một nền kinh tế thế giới đã được toàn cầu hóa sâu rộng, nhưng lại chưa có một thể chế quản trị kinh tế và chính trị toàn cầu phù hợp, do vậy các xung đột về lợi ích, về sắc tộc, về tôn giáo, về các giá trị đã không có

cơ chế giải quyết phù hợp. Nền kinh tế thế giới hiện nay vẫn chủ yếu dựa trên nền tảng công nghệ điện tử. Những phát minh về internet, về công nghệ khai thác khí đá phiến... không đủ đáp ứng những yêu cầu phát triển của nền kinh tế tri thức. Nền kinh tế thế giới đang vấp phải những giới hạn về thị trường (do nền đại công nghiệp đã phát triển vượt quá giới hạn nhu cầu thị trường thế giới); về môi trường (do khí thải và các chất độc hại của các đại công xưởng thải ra gây ô nhiễm khí quyển, trái đất nóng lên, các nguồn nước bị nhiễm độc, thậm chí cả đất đai cũng nhiễm độc); về tài nguyên (do trong những năm gần đây kinh tế thế giới suy thoái, nên cầu về tài nguyên suy giảm, giá tài nguyên giảm; nhưng nếu nhìn về lâu dài, giới hạn về tài nguyên không tái tạo được vẫn sẽ là vấn đề mà thế giới phải đối diện); về xã hội (do năng suất lao động của nền tảng công nghệ hiện nay chưa đủ cao để có thể đáp ứng các nhu cầu của xã hội, tình trạng chênh lệch giàu nghèo tiếp tục gia tăng, bất bình đẳng xã hội ngày càng lớn); về thể chế, (do các thể chế của các quốc gia, kể cả các nước phát triển cũng như đang phát triển có nhiều bất cập, không giải quyết được các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa... của chính các nước đó cũng như của thế giới).

Chính những giới hạn trên đây đã buộc tất cả các nước, đặc biệt là các nước lớn,

phải thực hiện việc điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế. Bài viết này phân tích những điều chỉnh chính sách kinh tế của một số cường quốc như Mỹ, Nhật Bản, các nước thuộc EU, Trung Quốc và tác động của sự điều chỉnh đó tới Việt Nam.

2. Điều chỉnh chính sách kinh tế của Mỹ

Đề ứng phó với cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008, Mỹ đã áp dụng chính sách nới lỏng tài chính chưa từng có. Hàng nghìn tỷ USD đã được tung ra để cứu nguy nền kinh tế thông qua 2 kênh chính: hạ lãi suất ngân hàng nhằm gia tăng tín dụng, và tăng chi tiêu ngân sách. Do vậy, nợ công đã tăng cao. Mức thâm hụt ngân sách năm 2009 đã đạt mức kỷ lục, bằng 10,1% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), do vậy biện pháp cắt giảm chi tiêu ngân sách đã trở nên cấp bách nhằm cắt giảm 5.300 tỷ USD trong 10 năm tiếp theo. Chính phủ Mỹ đã thực hiện các giải pháp miễn giảm thuế, tái cấp phép bảo hiểm thất nghiệp, tạo việc làm bằng các chương trình miễn giảm thuế, gia tăng chi tiêu của chính phủ. Chính phủ và Quốc hội Mỹ cũng đã ban hành đạo luật cải cách phố Wall và bảo vệ người tiêu dùng với 7 nội dung: thành lập hội đồng giám sát tài chính quốc gia, cho phá sản các công ty tài chính lớn, hạn chế mối liên hệ giữa các công ty tài chính lớn, hạn chế mối liên hệ giữa các ngân hàng và các quỹ đầu tư rủi ro, áp dụng cơ chế thanh toán các khoản buôn bán chứng khoán qua cơ quan thanh toán, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, kiểm soát và hạn chế hoạt động cho vay của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

Các chính sách thúc đẩy kinh tế dài hạn

đã được ban hành bao gồm 6 chính sách sau: 1) xây dựng một nền kinh tế bền vững dựa vào ngành sản xuất với nội dung: tăng đầu tư vào ngành sản xuất, ngừng việc giảm thuế đối với các công ty đưa việc làm ra nước ngoài, mở cửa các thị trường mới cho các sản phẩm sản xuất tại Mỹ; 2) thúc đẩy hoạt động xuất khẩu để bán các sản phẩm của Mỹ ra ngoài thông qua các hiệp định thương mại tự do; 3) khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ bằng nhiều công cụ như tạo điều kiện để tiếp cận các nguồn vốn, thị trường, lao động; 4) phát triển năng lượng và sử dụng năng lượng theo hướng áp dụng các biện pháp ép buộc phải tiết kiệm năng lượng, gia tăng khai thác dầu khí đá phiến; 5) đổi mới công nghệ: Tổng thống Barack Obama đã quyết định chi 100 tỷ USD để hỗ trợ sự đổi mới mang tính đột phá trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo, đồng thời đã áp dụng nhiều giải pháp cải cách cơ chế điều hành hoạt động khoa học và công nghệ; 6) xây dựng nền kinh tế trung lưu nhằm giảm bớt tình trạng chênh lệch và cách biệt lớn về thu nhập giữa người giàu và người nghèo bằng giải pháp gia hạn luật về cắt giảm thuế.

Những điều chỉnh chính sách kinh tế trên đây đã mang lại những kết quả rõ rệt: tăng trưởng GDP từ âm trong 2 năm 2008 - 2009 đã tăng, đạt mức 2,5% trong năm 2010, trong 2 năm 2014-2015 đạt mức 2,4%. Tỷ lệ thất nghiệp giảm từ mức 10,3% năm 2009 xuống còn 5% năm 2015, thâm hụt ngân sách giảm xuống còn 2,5% năm 2015.

Tuy vậy, nền kinh tế Mỹ cũng bị Tổng thống Donald Trump phê phán gay gắt trong bài phát biểu nhậm chức rằng: Mỹ đã làm giàu cho công nghiệp nước ngoài

bằng cái giá của nền công nghiệp Mỹ; Mỹ đã chi hàng nghìn tỷ USD ở nước ngoài trong khi cơ sở hạ tầng ở Mỹ bị xuống cấp và hư hỏng; các nhà máy của Mỹ di chuyển ra nước ngoài làm người Mỹ thất nghiệp...

Từ đó, tổng thống Donald Trump đã đưa ra một chính sách “nước Mỹ trên hết” với 7 nội dung: 1) rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) mà Tổng thống Barack Obama đã cam kết; 2) đàm phán lại Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) và các hiệp định thương mại song phương; 3) rút khỏi Tổ chức Thương mại thế giới (WTO); 4) lần lượt đánh thuế 35% và 45% đối với các mặt hàng nhập khẩu từ Mexico và Trung Quốc; 5) hạ thấp mức thuế thu nhập doanh nghiệp từ 35% hiện nay xuống còn 15%; 6) xóa bỏ các thủ tục rườm rà, mở rộng cung ứng năng lượng dầu mỏ và than đá ...; 7) giữ các doanh nghiệp Mỹ và các hoạt động thương mại của họ thông qua các hình thức ưu đãi thuế (thậm chí phạt thuế) và mua sắm chính phủ.

Nếu xét một cách riêng lẻ, dường như 7 chính sách trên đều rất khó thực hiện như mong muốn; nhưng nếu xét tổng thể thì chúng lại có quan hệ với nhau. Do vậy, có thể dự báo Mỹ sẽ điều chỉnh chính sách kinh tế theo 5 hướng: 1) thúc đẩy xuất khẩu, giảm nhập khẩu một cách thỏa đáng, đặc biệt là nhập dầu mỏ; 2) không áp dụng các biện pháp tăng thuế nhập khẩu toàn diện lâu dài, nhưng có thể áp dụng các biện pháp bảo đảm, chống bán phá giá, chống trợ cấp, bảo hộ thuế mang tính tạm thời đối với một số mặt hàng nào đó; 3) gia tăng va chạm với các đối tác thương mại của Mỹ, (Mỹ buộc phải có các chính sách ứng phó); 4) đàm phán ký kết các hiệp

định thương mại song phương, rút dần khỏi một số hiệp định thương mại đa phương; 5) tích cực cải cách trong nước, tạo điều kiện tốt hơn cho các doanh nghiệp ở lại nước Mỹ.

Tuy nhiên, nhiều vấn đề mà Donald Trump nêu ra lúc tranh cử đã bị ông điều chỉnh khi làm tổng thống. Do vậy, rất khó xác định chắc chắn những chính sách kinh tế gì sẽ được điều chỉnh trong nhiệm kỳ của tổng thống Donald Trump.

3. Điều chỉnh chính sách của các nước thuộc Liên minh Châu Âu

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 2008, EU đã và đang rơi vào một cuộc khủng hoảng kép: tăng trưởng thấp (giai đoạn 2004-2014, tốc độ tăng trưởng trung bình năm của EU đạt 0,9%); thâm hụt ngân sách và nợ công tăng nhanh vượt quá giới hạn cho phép (thâm hụt ngân sách không quá 3% GDP, nợ công không quá 60% GDP tính đến hết năm 2013). Theo Cơ quan thống kê Châu Âu (Eurostat), nợ của 17 nước thuộc Khu vực đồng tiền chung Châu Âu đã cán mức 92,2% GDP; đặc biệt Hy Lạp đã có mức nợ công lên tới 149,1% GDP; tất cả các nước EU đều có mức thâm hụt ngân sách vượt xa ngưỡng 3% GDP; Italia đạt mức thâm hụt ngân sách thấp nhất 5,3% GDP; Ireland đạt mức thâm hụt ngân sách cao nhất 14,3% GDP. Tỷ lệ thất nghiệp đã tăng quá cao: 10,4% tổng số lao động năm 2014.

Trước tình hình kinh tế xấu đi, các nước EU đã buộc phải điều chỉnh chính sách kinh tế theo 2 trọng điểm: 1) phát triển thông minh, phát triển bền vững, phát triển bao trùm (với 5 mục tiêu phấn đấu là

tăng tỷ lệ người có việc làm, tăng đầu tư cho giáo dục và nghiên cứu khoa học, giảm đáng kể phát thải khí nhà kính, giảm tỷ lệ người chưa học hết phổ thông, giảm thêm tỷ lệ hộ nghèo); 2) nêu ra 7 chương trình hành động cụ thể (gồm liên minh sáng tạo, lưu chuyển thanh niên, kỹ thuật số cho Châu Âu, sử dụng hiệu quả tài nguyên cho Châu Âu, chính sách công nghiệp cho thời đại toàn cầu hóa, chương trình kỹ năng và việc làm mới, nền tảng Châu Âu chống đói nghèo).

Nhiều nước EU đã thực hiện những điều chỉnh chính sách trong lĩnh vực ngân hàng, như: thành lập cơ chế giám sát chung trong hệ thống ngân hàng toàn Châu Âu; thành lập một liên minh ngân hàng; tăng tỷ lệ vốn an toàn tối thiểu của các ngân hàng khu vực lên 9%; xây dựng kế hoạch bảo vệ tiền gửi; tái cấp vốn cho hệ thống ngân hàng... Hệ thống luật pháp cũng được Ủy ban Châu Âu rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới. Duy trì lãi suất thấp cũng là một giải pháp của các nước EU. Đức đã có những chính sách điều chỉnh hệ thống ngân hàng và đáng chú ý là, tập trung nguồn lực xóa bỏ khối tài sản nợ xấu của các ngân hàng, cấp các khoản vay ưu đãi đảm bảo cho các ngân hàng có đủ nguồn lực tài chính, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu giám sát và cảnh báo, tăng cường vai trò độc lập của các cơ quan giám sát với các bộ chủ quản.

Trong lĩnh vực tài chính, EU đã thực hiện các chính sách điều chỉnh: thành lập quỹ ổn định tài chính; mua trái phiếu chính phủ; khởi động cơ chế bình ổn Châu Âu song hành với quỹ bình ổn tài chính châu Âu; thực hiện cơ chế xóa nợ cho các nước khủng hoảng như Hy Lạp, tăng cường quyền kiểm soát ngân sách các quốc gia trong EU.

Các quốc gia thành viên EU cũng có những hướng điều chỉnh cụ thể như: cắt giảm chi tiêu công, giảm chi phí cho phúc lợi xã hội, tăng thuế tăng thu cho ngân sách, tăng hiệu quả đầu tư công...

Trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, EU điều chỉnh chiến lược tới năm 2020 theo hướng nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập toàn cầu sâu rộng với 5 nội dung. Đó là: gia tăng ký kết các hiệp định thương mại song phương và đa phương; mở cửa thương mại cho các lĩnh vực (như công nghệ xanh, sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao); tiêu chuẩn quốc tế hóa đặc biệt trong lĩnh vực phát triển, đối thoại cấp cao với các đối tác quan trọng, điều chỉnh thể chế toàn cầu, kiểm soát mất cân bằng thương mại toàn cầu, chú trọng ưu tiên khu vực Châu Á; phát triển quan hệ đối tác thực sự với các nước đang phát triển; hướng tới hoàn thành các mục tiêu thiên niên kỷ...

Những chính sách điều chỉnh trên đây tuy đã có những tác động nhất định, nhưng nhìn chung chưa tạo ra sự chuyển biến rõ rệt. Ở các nước EU, tăng trưởng kinh tế vẫn trì trệ, đồng euro suy yếu, giảm phát tiếp diễn, sản xuất công nghiệp trì trệ, kim ngạch thương mại có sự phục hồi chậm, nợ công đã chững lại và giảm nhưng vẫn ở mức cao, tỷ lệ thất nghiệp chỉ giảm chút ít. Bên cạnh những vấn đề kinh tế còn có những vấn đề khác đang tác động khó lường như: Brexit, sự bất ổn ở Trung Đông và Châu Phi, mối đe dọa từ Nhà nước Hồi giáo tự xưng IS, dòng người di cư, tị nạn, chủ nghĩa dân túy và chống toàn cầu hóa... Trong bối cảnh phức tạp này, chắc chắn EU phải tiếp tục điều chỉnh chính sách kinh tế. Thủ tướng Đức Angela Merkel cho rằng, một Châu Âu với các tốc độ phát

triển khác nhau là điều cần thiết, cụ thể là, đối với các vấn đề cần thiết thì phải tăng cường hành động tập thể giữa các nước có cùng thiện chí như: giám sát hoạt động các ngân hàng, chính sách di dân chung.

4. Điều chỉnh chính sách kinh tế của Nhật Bản

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 2008 đã làm gay gắt thêm các vấn đề vốn có của nền kinh tế Nhật Bản như: thâm hụt ngân sách nhà nước, nợ xấu tiêu dùng và đầu tư suy giảm, đồng yên tăng giá, người dân mất hy vọng vào tương lai, sự già hóa dân số và gánh nặng phúc lợi... Trong bối cảnh đó, ông Shinzo Abe trở lại cầm quyền lần thứ hai năm 2012 với các chính sách điều chỉnh kinh tế được gọi là Abenomics. Đây được xem như “một liệu pháp sốc” với ba trọng tâm được gọi là ba mũi tên nhằm mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo ra nhiều việc làm hơn; đó là: chính sách tài khóa linh hoạt (tăng chi tiêu công); chính sách tiền tệ mạnh bạo (nới lỏng tiền tệ); và chiến lược tăng trưởng kinh tế sâu rộng (trọng tâm là cải cách nền kinh tế).

Mục tiêu tổng quát của chiến lược ba mũi tên là: 1) tăng trưởng kinh tế bền vững trên cơ sở tăng lợi nhuận của doanh nghiệp, tăng lương và tạo việc làm, tăng đầu tư và mở rộng tiêu dùng, nới lỏng tiền tệ và phá giá đồng yên để đưa lạm phát lên 2%; 2) cải thiện các điều kiện kinh tế vĩ mô và cấu trúc kinh doanh ở cấp vi mô của doanh nghiệp, kích thích tài chính thông qua gói kích cầu 20,2 nghìn tỷ yên (210 tỷ USD), gọi là Q1, trong đó có 10,2 nghìn tỷ yên (116 tỷ USD) để tăng chi tiêu, tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng; 3) củng

cố quá trình phục hồi tài chính kinh tế, duy trì tính vững mạnh của tài khóa, đảm bảo niềm tin thị trường, đảm bảo môi trường kinh tế cởi mở, cạnh tranh công bằng và tự do, mang lại cơ hội cho mọi người, có được chiến lược cuộc sống an toàn và đảm bảo an ninh, luôn năng động và sáng tạo, bền vững trong dài hạn.

Các mục tiêu này đã đạt được kết quả như sau: đưa lạm phát lên 2% trong 2 năm thông qua việc mua trái phiếu chính phủ và các tài sản tài chính có sự rủi ro hơn như các quỹ đầu tư tín thác; năng suất lao động tăng ít nhất 2% trong trung và dài hạn; tốc độ tăng lương cao hơn tốc độ tăng giá, cơ hội việc làm gia tăng; GDP tăng khoảng 3%; mức thu nhập bình quân đầu người tăng hơn 3% trong trung và dài hạn; tạo thêm 600.000 việc làm trong 2 năm; cắt giảm thuế suất doanh nghiệp từ mức 35% xuống còn 30% trong vài năm kể từ 2015.

Như trên đã nói, Thủ tướng Abe đã triển khai chiến lược phát triển theo hướng ba mũi tên: nới lỏng tiền tệ, nới lỏng tài chính và tái cấu trúc nền kinh tế. Chiến lược ba mũi tên này đã được nhiều nước phương Tây áp dụng. Tuy nhiên, kết quả đạt được từ năm 2008 đến nay là khiêm tốn: tăng trưởng GDP từ 2013 đến 2016, chỉ có 2 quý đạt mức tăng trưởng 1,3%, 5 quý đạt mức tăng trưởng âm 0,4% đến âm 0,7% và 5 quý đạt mức tăng trưởng âm 0,1% đến âm 2%. Kết quả này so với yêu cầu của chiến lược (tăng trưởng 2-3%/ năm) xem như là không đạt. Nếu tính bình quân năm thì chỉ có năm 2013 đạt 1,4% và năm 2015 đạt 0,5%, còn năm 2014 chỉ đạt 0%; về lạm phát, chỉ có năm 2014 đạt mức 2,8% còn các năm khác chỉ đạt được 1%, trong khi mục tiêu đặt ra phải đạt mức 2%/năm; GDP bình quân đầu

người từ năm 2012 đến năm 2015 liên tục giảm từ 46.792 USD xuống còn 32.484 USD; cán cân tài chính luôn thâm hụt ở mức âm 6,7 đến âm 8,5% (2012-2015); cán cân thương mại luôn thâm hụt ở mức âm 23,3 tỷ USD đến âm 117,5 tỷ USD (2013-2015).

Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) đã khẳng định rằng kinh tế Nhật Bản tiếp tục phục hồi ở mức vừa phải, mặc dù có những điều kiện quốc tế bất lợi. Định hướng chiến lược vẫn tiếp tục hướng về phía trước; đó là tăng tiêu dùng cá nhân, thị trường việc làm cải thiện, nâng cao lợi nhuận doanh nghiệp, chuyển hướng sang đầu tư mạnh hơn.

Tuy nhiên, phần đông giới nghiên cứu Nhật Bản cho rằng còn quá sớm để đánh giá chính xác và có những kết luận khách quan về mức thành công hay thất bại của Abenomics đối với sự phục hưng của Nhật Bản.

Thực ra chính sách Abenomics với ba mũi tên không phải là một điều mới mẻ. Các quốc gia phát triển nói chung đều đã dùng bài thuốc: nới lỏng tiền tệ, tài chính và chính sách tái cơ cấu. Tuy nhiên, kết quả đạt được cho đến nay có thể nói là không mấy lạc quan. Kinh tế các nước này có phục hồi nhưng mong manh, dù cho chính sách tiền tệ và tài chính đã nới lỏng hết mức, còn chính sách tái cơ cấu thì không dễ thực hiện. Với những kết quả đạt được cho tới nay, chính sách Abenomic cũng đang ở tình trạng tương tự.

5. Điều chỉnh chính sách kinh tế của Trung Quốc

Kinh tế Trung Quốc bước vào những năm đầu thế kỷ XXI đã phải đối mặt với 5 thách thức sau đây.

1) Lợi tức dân số đã tới mức trần. Năm

2015, tỷ lệ đô thị hóa của Trung Quốc đã lên đến 56,1%, mỗi năm tăng 1-1,5%, đến năm 2017 sẽ đạt 58-60%, mức trần ngày càng gần, dân số nông thôn đổ vào thành thị ngày càng giảm. Năm 1990, dân số sinh ra ở Trung Quốc là 26,2 triệu người, sau 10 năm con số này đã giảm xuống còn 11,5 triệu người, giảm 50%, đã trực tiếp gây ra sự sụt giảm nhu cầu của các ngành nghề và về tiêu dùng. Tiền công lao động đã tăng làm tăng chi phí sản xuất. Thời kỳ đại công xưởng của Trung Quốc dựa vào lợi thế tiền công thấp đã kết thúc.

2) Công suất của ngành công nghiệp dư thừa, đặc biệt là các ngành thép, than có mức dư thừa hàng chục triệu tấn, dư thừa trên thị trường bất động sản cũng rất lớn.

3) Dư nợ tín dụng quá lớn, tới hơn 175% GDP, tín dụng đen và nợ xấu ngân hàng gia tăng.

4) Ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đến mức Trung Quốc phải đóng cửa hàng loạt nhà máy nhiệt điện chạy bằng than.

5) Dự trữ ngoại hối giảm mạnh, do không ít người Trung Quốc đã chuyển tiền ra nước ngoài vì lo ngại sự bất ổn của xã hội Trung Quốc.

Để xử lý 5 thách thức trên, Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện 11 điều chỉnh quan trọng sau:

1) Tiếp tục đổi mới và tăng cường điều tiết vĩ mô, kinh tế vận hành trong phạm vi hợp lý; điều chỉnh kết cấu, phòng ngừa rủi ro, chuyển thuế doanh nghiệp thành thuế giá trị gia tăng; chuyển nợ tồn đọng của chính quyền địa phương thành nợ trái phiếu; thực hiện chính sách tiền tệ vững chắc; thúc đẩy và nâng cấp tiêu dùng; phòng ngừa rủi ro tài chính.

2) Tập trung sức thực hiện tốt 5 mục tiêu kinh tế (gồm giải quyết ổn thỏa tình trạng dư thừa năng lực sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp hạ giá thành; giảm lượng

tồn kho bất động sản; tháo gỡ đòn bẩy tài chính; nâng cao hiệu quả đầu tư).

3) Đi sâu cải cách toàn diện, xử lý tốt mối quan hệ giữa chính phủ và thị trường; giảm 1/3 hạng mục phê duyệt hành chính; giám sát quản lý, hậu kiểm, điều chỉnh và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; xây dựng chế độ xét duyệt công bằng, cạnh tranh; hoàn thiện biện pháp “ba phân quyền” (quyền sở hữu, quyền kinh doanh và quyền nhận thầu) về đất đai ở nông thôn; mở rộng quyền tự chủ cho các trường đại học và các viện nghiên cứu; thả nổi thị trường đường lão, cải cách việc ngừng sản xuất để nuôi dưỡng đất...

4) Thúc đẩy tăng cường mở cửa với bên ngoài. Thúc đẩy xây dựng “Một vành đai, một con đường”, đồng nhân dân tệ được chính thức đưa vào rổ tiền tệ của IMF. Kết nối hai sàn chứng khoán Thẩm Quyển và Hồng Kông, thành lập 12 khu thí điểm tổng hợp về thương mại điện tử xuyên quốc gia, thành lập mới 7 khu thương mại tự do thí điểm.

5) Tăng cường dẫn dắt bằng sự sáng tạo, các động lực mới lớn mạnh nhanh; thực hiện toàn diện chiến lược “Made in China 2025”; hoàn thiện chính sách sáng tạo và khởi nghiệp; khởi động các dự án sáng tạo khoa học, công nghệ quan trọng hướng tới năm 2030; hỗ trợ Bắc Kinh, Thượng Hải xây dựng trung tâm sáng tạo khoa học, công nghệ có ảnh hưởng toàn cầu.

6) Thúc đẩy sự phát triển nhịp nhàng giữa các vùng miền, giữa thành thị và nông thôn, cực tăng trưởng và vành đai tăng trưởng mới được hình thành nhanh; phát triển hài hòa giữa Bắc Kinh, Thiên Tân và Hồ Bắc; phát triển vành đai kinh tế sông Trường Giang; xây dựng “quy hoạch 5 năm lần thứ 13” về phát triển miền Tây; thực thi chiến lược chấn hưng

vùng Đông Bắc vòng mới; thúc đẩy sự trỗi dậy của miền Trung; ủng hộ miền Đông phát triển đi trước; đẩy nhanh đô thị hóa kiểu mới, cải cách chế độ hộ tịch, thực hiện chế độ thẻ cư trú.

7) Tăng cường xây dựng văn minh sinh thái, phát triển xanh. Xây dựng và thực thi biện pháp đánh giá văn minh sinh thái, xây dựng khu thí điểm văn minh sinh thái quốc gia. Đẩy mạnh giải quyết ô nhiễm không khí, tối ưu hóa kết cấu năng lượng, phòng chống ô nhiễm nước, đất, điều tra xử lý nghiêm khắc một số vụ án vi phạm pháp luật về môi trường.

8) Chú trọng bảo đảm và cải thiện dân sinh, tăng đầu tư cho dân sinh, thực thi chính sách tạo việc làm và lập nghiệp mới. Nâng cao các tiêu chuẩn bảo đảm mức sống tối thiểu, tiền tuất, lương hưu cơ bản, đảm bảo chi đủ cho ngân sách giáo dục, y tế, bảo hiểm y tế và xã hội.

9) Thúc đẩy xây dựng tinh thần sáng tạo của Chính phủ, xã hội duy trì ổn định và hài hòa. Hoàn thiện quy chế tiếp nhận ý kiến của nhân dân trong hoạch định chính sách công cộng, công bố toàn diện quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan chính quyền cấp tỉnh, đảm bảo giữ gìn trật tự, trị an xã hội.

10) Thực hiện chính sách chống tham nhũng “đả hổ diệt ruồi” một cách quyết liệt và được lòng dân. Chính sách chống tham nhũng chú trọng đặc biệt đến hai loại cán bộ: cấp phòng, khoa, ban và các quan chức đứng đầu ngành và địa phương. Thực tế ở Trung Quốc cho thấy quan chức cấp phòng khoa, ban tuy chức nhỏ nhưng khởi đầu cho các vụ tham nhũng lớn, do vậy gia tăng các biện pháp giám sát chặt chẽ, tăng cường giáo dục, đề cao chính nghĩa. Đối với các quan chức đứng đầu ngành và địa phương, Trung Quốc thực hiện chủ trương trạng thái chính trị thông

thường mới (gồm 4 nội dung chủ yếu: lành tính xua đuổi ác tính; tuân thủ quy tắc cạnh tranh khiến người có tài đi lên, người liêm khiết đi lên, loại bỏ quan bất tài, quan tham những ra khỏi chính trường; liêm khiết chiến thắng tham nhũng, phải trừng trị tham nhũng cường độ cao để đề phòng tham nhũng toàn diện; cần mẫn thay thế lười biếng).

11) Thay thế nhân trị bằng pháp trị. Hiện nay, không ít cơ quan, nhân trị với quyền lực lớn hơn pháp luật vẫn nổi cộm. Do vậy cần vứt bỏ nhân trị, cai quản đất nước theo pháp luật. Để thiết lập trạng thái chính trị thông thường mới, cần phải nhốt quyền lực “số 1” trong “lồng” theo hướng phải tự ràng buộc và kiểm soát hữu hiệu, cơ quan quy định cụ thể danh mục các quyền lực, quy trình vận hành quyền lực. Tăng cường kiểm soát các quan hệ của người thân của “số 1” kể cả các thư ký, bạn bè, người nhà. “Số 1” phải tự kỷ luật, không “bá quyền”, không gia trưởng, không độc đoán, phải thực sự cầu thị, bồi dưỡng đạo đức, lấy liêm khiết làm đầu, “số 1” phải chịu trách nhiệm tổng thể.

Trung Quốc đã thực hiện ráo riết những điều chỉnh chính sách trên đây dưới thời Tập Cận Bình và đã có những kết quả cụ thể. Đó là: kìm chế một phần đà suy giảm tốc độ tăng trưởng từ 9-10%/năm xuống còn 6,5-7%/năm chứ không rơi tự do như một số học giả nước ngoài cảnh báo; giảm dần các công suất dư thừa, đặc biệt là thép và than, giảm dần mức ô nhiễm môi trường; gia tăng nhu cầu trong nước, các ngành dịch vụ phát triển, xu hướng phát triển sáng tạo gia tăng... Tuy nhiên, vẫn còn không ít thách thức. Đó là: cải cách thể chế tiến triển chậm, nợ xấu và tín dụng đen chưa khắc phục được, cải cách doanh nghiệp nhà nước chậm trễ, và khu vực doanh nghiệp tư nhân chưa phát huy

được tác dụng mong muốn... Triển vọng dài hạn của nền kinh tế Trung Quốc có thể có hai khả năng: hạ cánh mềm và hạ cánh cứng, hoặc là chông chênh giữa hai khả năng này. Cho đến nay lãnh đạo Trung Quốc khẳng định nền kinh tế Trung Quốc đang hạ cánh mềm.

6. Những tác động đối với Việt Nam

Tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, các nước lớn đã, đang và sẽ tiếp tục điều chỉnh chính sách kinh tế sẽ dẫn đến những tác động cả tích cực và tiêu cực đối với Việt Nam.

Có 4 tác động tích cực sau:

1) Trong khi thế giới đang biến động và có nhiều bất ổn, đặc biệt là các cuộc xung đột sắc tộc và tôn giáo, cuộc chiến toàn cầu chống Nhà nước Hồi giáo (IS) gia tăng, thì tình hình chính trị, an ninh xã hội ở Việt Nam khá ổn định. Đây là một thế mạnh của Việt Nam so với các nước trong khu vực. Việt Nam có lợi thế địa chiến lược và địa kinh tế quan trọng. Việt Nam ở vị trí trung tâm của vùng Đông Á; có lợi thế về biển với 3.260 km bờ biển; có 50 cảng biển, trong đó có những cảng nước sâu hàng đầu thế giới như cảng Cam Ranh, cảng Vân Phong...; có 40 vịnh, 3.000 hòn đảo lớn nhỏ; là 1 trong 10 nước trên thế giới có chỉ số cao nhất về chiều dài bờ biển. Lợi thế địa kinh tế của Việt Nam là lợi thế mặt tiền, ngã tư, vùng trung tâm. Đây là lợi thế hết sức quan trọng đối với sự phát triển của Việt Nam. Lợi thế trên đây cũng có ý nghĩa quan trọng về chiến lược, do vậy các cường quốc trên thế giới luôn nhòm ngó, tranh chấp vị trí địa chiến lược này. Nền kinh tế Việt Nam đã có độ mở khá cao, kim ngạch xuất nhập khẩu đã vượt quá 150%

GDP, lượng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam ngày càng gia tăng; Việt Nam cũng đã xây dựng 15 khu kinh tế ven biển, 28 khu kinh tế cửa khẩu, với một số chính sách ưu đãi nhằm thu hút các nguồn lực từ bên ngoài. Những lợi thế trên đã tạo cho Việt Nam có sức hấp dẫn các nhà đầu tư quốc tế. Các dòng vốn đầu tư nước ngoài gia tăng đều đặn trong những năm vừa qua là một minh chứng.

2) Dù cầu thế giới có suy giảm, nhưng những mặt hàng xuất khẩu nông, lâm, thủy hải sản của Việt Nam là những mặt hàng đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của các quốc gia, nên đã và sẽ ít bị ảnh hưởng.

3) Các quốc gia phát triển đang ở trong thời kỳ tái cơ cấu kinh tế, do vậy họ có yêu cầu chuyển nhượng công nghệ để tạo điều kiện ứng dụng công nghệ mới. Đây cũng là thời cơ để Việt Nam có thể tiếp nhận các công nghệ hiện đại từ các nước Âu Mỹ.

4) Việt Nam đã ký 10 Hiệp định thương mại tự do (FTA), sẽ ký 5 FTA nữa, nghĩa là Việt Nam sẽ ngày càng hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Đây cũng là cơ hội tốt để Việt Nam có thể thu hút các nguồn lực của thế giới vào Việt Nam.

Các tác động tiêu cực là: 1) cầu thế giới giảm đã tác động đến giá cả hàng hóa, đặc biệt là giá tài nguyên khoáng sản. Việt Nam là nước xuất khẩu một số loại khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ, nên đã và sẽ bị tác động tiêu cực; 2) giá một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam như cao su, cà phê... diễn biến bất lợi cho những người sản xuất ở Việt Nam; 3) USD lên giá sẽ gây tác động tiêu cực đối với kinh tế thế giới và Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng; 4) các quốc gia đang và sẽ điều chỉnh chính sách, nếu Việt Nam không điều chỉnh thích ứng, cũng sẽ bị tác động tiêu cực, chẳng hạn, nếu Fed tăng lãi suất, mà Ngân hàng nhà

nước Việt Nam không điều chỉnh tỷ giá phù hợp, cả sản xuất và xuất khẩu sẽ bị tác động xấu.

7. Kết luận

Từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008 đến nay, các nền kinh tế lớn Mỹ, Nhật Bản, EU và Trung Quốc tiếp tục điều chỉnh chính sách kinh tế nhằm phục hồi tăng trưởng kinh tế. Điều đó đã và đang tác động lớn, cả tích cực và tiêu cực, tới kinh tế các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, do vậy Việt Nam phải đối diện với cạnh tranh toàn cầu. Việt Nam nếu không đổi mới, nâng cấp thể chế, kết cấu hạ tầng và trọng dụng nhân tài, thì sẽ tụt hậu và thua thiệt trong cuộc cạnh tranh này. Trong những năm tới, Việt Nam phải tận dụng tốt nhất các thời cơ cho sự phát triển của đất nước, đồng thời phải khắc phục có hiệu quả nhất các tác động tiêu cực của tình hình thế giới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hội đồng Lý luận Trung ương (2010), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra trong tình hình hiện nay*, Tập II, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Võ Đại Lực (2015), *Những vấn đề kinh tế Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Võ Đại Lực (2015), *Báo cáo kết quả nghiên cứu Đề tài khoa học cấp Nhà nước mã số ĐTĐL-XH17/15 “Cục diện kinh tế thế giới hiện nay và tác động tới Việt Nam”*, Hà Nội.
- [4] Furuta Motoo (1999), “Nhật Bản sẽ đi về đâu trong những năm đầu thế kỷ XXI”, Tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản*, số 4.
- [5] Viện Chiến lược phát triển (2010), *Cơ sở khoa học của một số vấn đề trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến 2010, tầm nhìn 2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

